

CTY CP PHÁT TRIỂN Hạ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mã số thuế: 3700805566

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.080.878.384.105	4.994.309.386.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	82.509.963.356	113.801.624.400
1. Tiền	111		31.518.565.687	22.258.226.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.991.397.669	91.543.397.504
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.300.000.000	1.300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	1.300.000.000	1.300.000.000
III. Các khoản phải thu	130		991.843.696.327	931.491.861.838
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	949.264.883.686	883.883.312.901
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	4.905.795.726	10.979.047.525
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	37.659.051.780	36.629.501.412
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		13.965.135	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.001.854.556.655	3.944.541.089.919
1. Hàng tồn kho	141	V.06	4.001.854.556.655	3.944.541.089.919
2. Dự phòng giảm giá tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.370.167.767	3.174.809.879
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	3.370.167.767	3.174.809.879
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.666.426.969.042	1.736.190.112.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		867.729.784.828	929.445.618.551
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03b	404.106.771.744	469.213.477.794
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	463.623.013.084	460.232.140.757
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		608.747.195.509	616.900.322.060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	605.837.044.692	613.845.895.978
- Nguyên giá	222		867.652.954.292	867.474.744.312
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(261.815.909.600)	(253.628.848.334)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-



CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	2.910.150.817	3.054.426.082
- Nguyên giá	228		5.355.980.685	5.355.980.685
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.445.829.868)	(2.301.554.603)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	177.068.846.901	177.996.770.661
- Nguyên giá	231		185.090.978.661	185.090.978.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(8.022.131.760)	(7.094.208.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.730.886.343	11.692.299.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	12.730.886.343	11.692.299.260
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269	V.11	150.255.461	155.102.411
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.747.305.353.147	6.730.499.498.979
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.647.158.261.661	3.664.244.227.908
I. Nợ ngắn hạn	310		1.802.944.675.287	1.871.378.896.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	337.450.709.619	340.286.308.967
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.759.994.541	5.503.401.860
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.222.522.135	72.162.661.537
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.960.944.485	2.823.152.342
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	358.633.055.121	346.861.201.364
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	403.727.317.397	384.607.082.588
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	684.190.131.989	716.754.048.744
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	-	2.381.038.937
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.844.213.586.374	1.792.865.331.569
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	255.694.197.000	255.694.197.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	294.025.112.789	247.760.614.300
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-

5566

IG TY
PHẢI
RIỂN H
Y THI

40 MÔ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	31.711.625.910	31.342.625.910
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	3.282.322.551	2.370.911.118
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	1.259.500.328.124	1.255.696.983.241
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.100.147.091.486	3.066.255.271.071
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	3.100.147.091.486	3.066.255.271.071
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.753.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		2.741.945.250.000	2.741.945.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.420.226.000	10.420.226.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.110.272.981	83.110.272.981
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		264.671.342.505	230.779.522.090
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		230.779.522.090	230.779.522.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		33.891.820.415	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	432		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.747.305.353.147	6.730.499.498.979



Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nghe

Trinh Thanh Hung



LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH

TRỊNH THANH HÙNG

Đ. QUANG NGÔN

CTY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Số 230 Đại Lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Mã số thuế: 3700805566

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm 2015	Quý 1 Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	142.689.356.470	86.656.962.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		816.284.073	1.473.845.702
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	141.873.072.397	85.183.116.947
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.506.183.647	40.767.033.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		66.366.888.750	44.416.083.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	432.034.989	161.349.370
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	10.397.982.614	8.430.986.600
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.175.974.812	8.430.986.600
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.726.848.681	8.462.337.781
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.625.468.318	5.951.177.132
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		41.048.624.126	21.732.931.568
11. Thu nhập khác	31	VI.7	86.232.362	170.237.574
12. Chi phí khác	32	VI.8	75.582.395	1.361.383.980
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		10.649.967	(1.191.146.406)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.059.274.093	20.541.785.162
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	7.167.453.678	1.684.303.037
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		33.891.820.415	18.857.482.125
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		33.891.820.415	18.857.482.125
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		124	69
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1/2015 tăng 80% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân:

Trong quý 1/2015 tổng doanh thu ghi nhận tăng 67% (doanh thu hoạt động thu phí tăng 5%, doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 253%, doanh thu ghi nhận của các công ty con tăng) so với cùng kỳ năm trước, tổng chi phí tăng 56%, lợi nhuận trước thuế TNDN tăng 100%, thuế TNDN tăng 326% do năm 2015 dự án 1 thu phí QL13 đã hết thời gian được hưởng ưu đãi về thuế TNDN.

Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH

TRỊNH THANH HÙNG

ĐỖ QUANG NGÔN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.059.274.093	20.541.785.162
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.11,12,14	9.259.260.291	9.201.376.984
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(650.532.849)	(167.422.223)
- Chi phí lãi vay	06		7.175.974.812	8.430.986.600
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		56.843.976.347	38.006.726.523
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.848.329.658	25.202.296.464
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.217.809.228)	4.672.121.436
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		35.938.383.323	(27.786.537.187)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.233.944.971)	4.118.414.366
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(48.492.394.203)	(3.873.235.467)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.341.767.906)	(10.930.199.756)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		36.661.324.684	7.271.618.080
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(30.244.896.781)	(10.141.804.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.238.799.077)	26.539.399.985
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(178.209.980)	(874.748.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		885.919.885	213.011.649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		707.709.905	(661.736.851)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18,27	30.189.109.706	29.909.403.237
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(58.949.681.578)	(50.438.864.251)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(17.512.220.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.760.571.872)	(38.041.681.014)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(31.291.661.044)	(12.164.017.880)
			-	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	113.801.624.400	45.582.895.291
			-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
			-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	82.509.963.356	33.418.877.411

Người lập biểu



LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH

Kế toán trưởng



TRỊNH THANH HÙNG

Ngày 25 tháng 04 năm 2015
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KỸ THUẬT
ĐỒ QUANG NGÔN
 M.S.D.N. 3008955
 TP. THỦ ĐỨC - ĐƯỜNG B

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh bất động sản, xây dựng, thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống; các dịch vụ khách sạn, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa, kinh doanh siêu thị.
- Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**
Doanh thu và lợi nhuận kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước chủ yếu là do công ty triển khai bán dự án IJC Vĩnh Tân nên doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh bất động sản tăng đồng thời doanh thu ghi nhận của công ty con tăng so với cùng kỳ năm trước.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các công ty con:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên khách sạn Becamex	Becamex Hotel, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thương mại Becamex	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng hóa bất động sản và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13

Các khoản duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13 được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Thiết bị thu phí tự động

Các thiết bị thu phí tự động được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty mẹ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ bao gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	841.182.715	2.224.539.269
Tiền gửi ngân hàng	30.586.203.347	20.012.688.761
Tiền đang chuyển	91.179.625	20.998.866
Các khoản tương đương tiền (*)	50.991.397.669	91.543.397.504
Cộng	<u>82.509.963.356</u>	<u>113.801.624.400</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 năm	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	<u>1.300.000.000</u>	<u>1.300.000.000</u>

3. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng mua nhà, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng phố thương mại IJC2	9.166.760.400	9.203.760.400
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô 5B	54.477.065.504	54.683.465.504
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	145.891.609.881	134.294.519.623
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	46.717.067.000	38.679.713.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	102.317.875.902	94.621.319.207
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản - tiền xây dựng Lô F13-68 căn khu phố Phú An, Mỹ Phước	4.112.500.000	4.112.500.000
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên - Trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	358.442.278
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Lô D2-VĐ4	1.005.145.224	1.005.145.224
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án IJC Vĩnh	335.346.214.965	308.725.386.950

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tân		
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	70.591.196.914	64.697.002.234
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án tái định cư Hòa Lợi	164.856.019.950	164.856.019.950
Các khách hàng khác	14.424.985.668	8.646.038.531
Cộng (1)	<u>949.264.883.686</u>	<u>883.883.312.901</u>
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu đô thị Đông Đô Đại Phố	173.099.264.171	190.719.487.171
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng Khu biệt thự Sunflower	50.998.815.000	59.202.169.000
Các khách hàng mua căn hộ chung cư IJC Aroma, Aroma Shop	100.078.416.573	111.888.986.073
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án Prince Town	70.104.635.700	80.839.910.700
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án IJC Vĩnh Tân	-	16.737.284.550
Các khách hàng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng dự án tái định cư Hòa Lợi	9.825.640.300	9.825.640.300
Cộng (2)	<u>404.106.771.744</u>	<u>469.213.477.794</u>
Cộng phải thu của khách hàng {(1)+(2)}	<u>1.353.371.655.430</u>	<u>1.353.096.790.695</u>
c. Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	50.025.211.528	47.485.389.638
Công ty cổ phần phát triển đô thị Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông	163.758.663.850	163.758.663.850
	96.657.000	74.583.869
Cộng	<u>213.880.532.378</u>	<u>211.318.637.357</u>
4. Trả trước cho người bán		
Trả trước cho các nhà cung cấp trong nước.		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi dự thu	-	327.954.415
Tiền ứng để thi công hệ thống cấp nước	621.950.000	621.950.000
Chi hộ cho Ban quản lý tòa nhà chung cư New Horizon, tòa nhà Becamex Tower	1.927.797.072	705.818.255
Phải thu tiền chi hộ làm sổ cho khách hàng mua căn hộ New Horizon	15.710.322	15.710.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	519.185.577	515.495.577
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	30.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.374.411.738	291.645.019
Tạm ứng công tác	1.195.906.071	1.706.836.824
Tạm ứng để đặt cọc môi giới bất động sản	2.004.091.000	2.130.091.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	314.000.000
Cộng (1)	<u>37.659.051.780</u>	<u>36.629.501.412</u>

b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên – tiền đầu tư góp vốn xây dựng Dự án Becamex City Center (*)	463.225.849.944	459.663.662.617
Ký quỹ, ký cược	397.163.140	568.478.140
Cộng (2)	<u>463.623.013.084</u>	<u>460.232.140.757</u>
Cộng Phải thu khác {(1)+(2)}	<u>502.173.195.730</u>	<u>496.861.642.169</u>

(*) Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để xây dựng Dự án Becamex City Center. Với diện tích hơn 61.000m², có tổng số vốn đầu tư lên tới 2.500 tỷ VND, dự án là một khu phức hợp các công trình dịch vụ như văn phòng làm việc, căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, khu vui chơi nghỉ dưỡng, bãi đỗ xe, công viên,... và nhiều tiện ích khác. Một số công trình của dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác, một số công trình khác vẫn đang trong quá trình xây dựng để hoàn thiện.

c. Trong đó phải thu khác là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	493.225.849.944	489.663.662.617
Cộng	<u>493.225.849.944</u>	<u>489.663.662.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	67.743.174
Nguyên liệu, vật liệu	474.750.476	542.930.779
Công cụ, dụng cụ	2.192.233.132	2.351.264.592
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ⁽ⁱ⁾	3.975.318.533.046	3.917.667.475.003
Hàng hóa bất động sản	21.280.086.974	21.211.773.774
Hàng hóa	<u>2.588.953.027</u>	<u>2.699.902.597</u>
Cộng	<u>4.001.854.556.655</u>	<u>3.944.541.089.919</u>

- (i) Chủ yếu là chi phí dở dang của các công trình xây dựng nhà phố, khu thương mại, nhà biệt thự, nhà chung cư,... Trong đó, công trình Khu đô thị Đông Đô Đại Phố có số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 2.146.983.874.978 VND (số dư đầu năm là 2.140.015.968.596 VND). Công trình này đang trong quá trình xây dựng, phần lớn phản ánh chi phí chuyển quyền sử dụng đất. Ngoài ra còn phát sinh một số chi phí khác như phí khảo sát địa chất địa hình, xây dựng nhà thô công trình, thi công hệ thống đường giao thông, thoát nước, chi phí sử dụng vốn,...

Một số Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 2.322.417.512.849 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương và để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương.

7. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí quảng cáo	2.252.452.743	2.252.452.742
Chi phí khác	1.117.715.024	922.357.137
Cộng (1)	<u>3.370.167.767</u>	<u>3.174.809.879</u>

b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	6.659.391.305	7.803.504.630
Chi phí duy tu, sửa chữa Quốc lộ 13	2.439.352.686	-
Thiết bị thu phí tự động	3.632.142.352	3.888.794.630
Cộng (2)	<u>12.730.886.343</u>	<u>11.692.299.260</u>
Cộng chi phí trả trước {(1)+(2)}	<u>16.101.054.110</u>	<u>14.867.109.139</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	832.368.871.974	2.148.913.560	5.370.336.408	27.586.622.370	867.474.744.312
Mua trong kỳ	-	-	-	178.209.980	178.209.980
Số cuối kỳ	<u>832.368.871.974</u>	<u>2.148.913.560</u>	<u>5.370.336.408</u>	<u>27.764.832.350</u>	<u>867.652.954.292</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.299.226.395	267.209.795	1.854.641.217	10.977.753.146	14.398.830.553

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	232.817.415.752	1.221.566.700	3.537.489.176	16.052.376.706	253.628.848.334
Khấu hao trong kỳ	7.320.727.035	73.254.259	147.155.949	645.924.023	8.187.061.266
Số cuối kỳ	240.138.142.787	1.294.820.959	3.684.645.125	16.698.300.729	261.815.909.600
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	599.551.456.222	927.346.860	1.832.847.232	11.534.245.664	613.845.895.978
Số cuối kỳ	592.230.729.187	854.092.601	1.685.691.283	11.066.531.621	605.837.044.692
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 763.842.254.567 VND và 532.251.032.527 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty được mua bởi Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	5.355.980.685	2.301.554.603	3.054.426.082
Mua trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ		144.275.265	
Số cuối kỳ	5.355.980.685	2.445.829.868	2.910.150.817
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.650.394.021	

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chi phí mua 4 tầng tại Becamex Tower để đầu tư Trung tâm thương mại Becamex.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	185.090.978.661	7.094.208.000	177.996.770.661
Tăng trong kỳ	-		
Khấu hao trong kỳ		927.923.760	
Số cuối kỳ	185.090.978.661	8.022.131.760	177.068.846.901

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	3.815.665.716	5.979.948.545
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.560.201.503	5.754.101.873

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Lợi thế thương mại

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	193.878.013	(38.775.602)	155.102.411
Phân bổ trong kỳ	-	(4.846.950)	
Số cuối kỳ	193.878.013	(43.622.552)	150.255.461

12. Phải trả người bán

a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	334.126.722.588	332.161.453.831
Các nhà cung cấp khác	3.323.987.031	8.124.855.136
Cộng (1)	337.450.709.619	340.286.308.967

b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	255.694.197.000	255.694.197.000
Cộng (1)	255.694.197.000	255.694.197.000
Cộng Phải trả người bán {(1)+(2)}	593.144.906.619	595.980.505.967

c. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên	589.820.919.588	589.684.505.632
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	688.995.000	688.995.000
Cộng	590.509.914.588	590.373.500.632

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án phố Thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	493.600.000	707.350.000
Dự án phố Thương mại IJC - Mỹ Phước 3	695.000.000	695.000.000
Dự án chung cư IJC Aroma	1.574.536.000	1.574.536.000
Dự án The Green River	560.137.500	560.137.500
Khách hàng trang trí nội thất	712.359.000	712.359.000
Dự án Khu dân cư IJC Vĩnh Tân	112.200.000	48.400.000
Khách hàng khác	1.612.162.041	1.205.619.360
Cộng	5.759.994.541	5.503.401.860

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.779.350.844	6.678.573.871	(34.415.643.737)	3.042.280.978
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.341.767.906	7.171.143.678	(40.341.767.906)	7.171.143.678
Thuế thu nhập cá nhân	1.041.542.787	103.063.887	(1.135.837.025)	8.769.649
Các loại thuế khác (*)	-	8.537.554	(8.209.724)	327.830
Cộng	72.162.661.537	13.961.318.990	(75.901.458.392)	10.222.522.135

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất Không chịu thuế
- Các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương và Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) và Công văn số 8900/CT-KTr1 ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động thu phí tuyến Quốc lộ 13 – tỉnh Bình Dương trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo. Như vậy:

- Đối với Dự án I từ Km1+248 đến Km28+178 dài 27,197 km từ gần cầu Vĩnh Bình huyện Thuận An đến Ngã ba Đài Hoa Sen - Khu công nghiệp Tân Định, Bến Cát: có thu nhập chịu thuế từ năm 2002. Hiện nay dự án này đã hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với Dự án II từ Km28+000 đến Km65+355 dài 37,584 km từ Đài vệ tinh Tân Định, Bến Cát đến Cầu Tham Rót giáp ranh tỉnh Bình Phước: Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm thứ 04 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.059.274.093	20.541.785.162
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	48.946.435	1.290.849.604
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.021.694.362	-
Thu nhập tính thuế	40.086.526.166	21.832.634.766
Trong đó		
- Hoạt động kinh doanh thu phí	31.470.292.324	28.353.423.746
- Hoạt động kinh doanh khác	8.616.233.842	(6.520.788.980)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo dự tính</i>	<i>8.819.035.758</i>	<i>4.803.179.649</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Hợp đồng B.O.T</i>	<i>(1.651.582.080)</i>	<i>(3.118.876.612)</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.167.453.678	1.684.303.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	3.690.000	(115.165.618)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.171.143.678	1.569.137.419

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty mẹ phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 3 năm 2015 còn phải trả.

16. Chi phí phải trả

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma, shop Aroma	50.565.743.524	50.565.743.524
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC2	229.804.274	229.804.274
Trích trước giá vốn khu biệt thự Sunflower	65.623.805.733	65.623.805.733
Chi phí lãi vay	36.277.777.784	32.171.437.968
Chi phí tiếp thị, môi giới	3.456.243.031	3.842.545.438
Trích trước giá vốn xây dựng nhà	155.360.002	155.360.002
Lãi chậm trả cổ tức cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	33.556.921.758	30.334.913.956
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	131.353.289.385	131.353.289.385
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư Hòa Lợi	30.452.114.091	30.452.114.091
Chi phí khác	6.961.995.539	2.132.186.993
Cộng (1)	358.633.055.121	346.861.201.364

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Chi phí phải trả dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước giá vốn chung cư IJC Aroma, shop Aroma	65.749.938.354	65.749.938.354
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án The Green River	66.245.118.261	66.245.118.261
Trích trước phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án IJC Vĩnh Tân	106.427.635.927	60.163.137.438
Trích trước giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Prince Town	55.602.420.247	55.602.420.247
Cộng (2)	<u>294.025.112.789</u>	<u>247.760.614.300</u>
Cộng chi phí phải trả {(1)+(2)}	<u>652.658.167.910</u>	<u>594.621.815.664</u>

17. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	170.887.550	89.836.470
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.817.603.746	24.133.935.624
Tiền bảo hành còn phải trả nhà cung cấp	1.353.032.015	1.188.108.400
Cổ tức phải trả	322.720.724.700	322.720.724.700
Phí bảo trì chung cư IJC Aroma	7.752.228.359	7.752.228.359
Phí bảo trì chung cư New Horizon	529.735.639	521.350.587
Phải trả doanh thu cho gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex	196.845.087	196.845.087
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	1.017.316.160	1.017.316.160
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	30.659.603.799	21.238.822.512
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower – Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	3.135.605.877	1.338.332.622
Thù lao Hội đồng quản trị	682.000.000	682.000.000
Các khoản phải trả khác	4.691.734.465	3.109.019.458
Cộng	<u>403.727.317.397</u>	<u>384.607.082.588</u>

b. Phải trả dài hạn khác

Khoản tiền ký quỹ của khách hàng thuê gian hàng tại Trung tâm thương mại Becamex.

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	138.279.507.753	142.504.048.744
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	45.910.624.236	74.250.000.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả ^(b)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	<u>684.190.131.989</u>	<u>716.754.048.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; diện tích 38.050 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/1728454/HĐBĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014.
- (b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai các dự án đầu tư: Dự án Becamex City Center; Dự án Khu biệt thự Sunflower; Dự án Khu dân cư Green River; Dự án cao cấp IJC Aroma.
- Ngày phát hành : ngày 01 tháng 6 năm 2010 và ngày 27 tháng 12 năm 2010.
 - Ngày đáo hạn : ngày 01 tháng 6 năm 2015 và ngày 27 tháng 12 năm 2015.
 - Kỳ thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên: 14,5%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 3,5%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/quyền lợi hình thành có được từ dự án trên đất tại xã Đình Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, thửa đất số 282.175 (O3-2), diện tích 102.733,9 m².

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	142.504.048.744	26.385.764.823	30.610.305.814	138.279.507.753
Vay dài hạn đến hạn trả	74.250.000.000	-	28.339.375.764	45.910.624.236
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	<u>500.000.000.000</u>	-	-	<u>500.000.000.000</u>
Cộng	<u>716.754.048.744</u>	<u>26.385.764.823</u>	<u>58.949.681.578</u>	<u>684.190.131.989</u>

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	259.500.328.124	255.696.983.241
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương ^(a)	27.750.328.124	23.946.983.241
Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt - Chi nhánh Bình Dương ^(b)	120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Bình Dương ^(c)	<u>111.750.000.000</u>	<u>111.750.000.000</u>
Cộng	<u>259.500.328.124</u>	<u>255.696.983.241</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền cải tạo (rải nhựa, nâng cấp, sửa chữa,...) mua sắm các trang thiết bị, thanh toán chi phí bố trí lại trạm thu phí nút giao thông Phú Long, thị xã Thuận An và các chi phí khác trên tuyến Quốc lộ 13. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 11.552m² theo hợp đồng thế chấp số 155TT14 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Đông Đô Đại Phố. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 23.995m² theo hợp đồng thế chấp số 0076/01414/01A.HĐTCQSDĐ ngày 04 tháng 9 năm 2014.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Bình Dương để tài trợ lại một phần vốn đã đầu tư vào dự án Prince Town. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với diện tích 24.543m² theo hợp đồng thế chấp số 1188.14/HĐTC ngày 08 tháng 9 năm 2014; và quyền sử dụng đất tại xã Thới Hòa, Bến Cát, tỉnh Bình Dương với diện tích 22.388,4m² theo hợp đồng thế chấp số 1287.14/HĐTC ngày 31 tháng 12 năm 2014.

c. Trái phiếu phát hành

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trái phiếu thường ^(a)	600.000.000.000	600.000.000.000
Trái phiếu thường ^(b)	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

- (a) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Sunflower mở rộng và tăng quy mô vốn kinh doanh.
- Ngày phát hành : ngày 25 tháng 9 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn : ngày 25 tháng 9 năm 2019.
 - Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.
 - Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
 - Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km1+248 đến Km 28+178-dài 27,297 Km”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 45.182 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (b) Trái phiếu phát hành để huy động vốn triển khai dự án đầu tư Prince Town mở rộng.
- Ngày phát hành : ngày 31 tháng 10 năm 2014.
 - Ngày đáo hạn : ngày 31 tháng 10 năm 2019.
 - Năm thanh toán lãi : 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lãi suất : kỳ tính lãi đầu tiên và kỳ thứ hai: 12,2%/năm; các kỳ tiếp theo: lãi suất bình quân của lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của 1 trong 4 ngân hàng sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng hương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam cộng lãi biên 4%/năm.
- Hình thức đảm bảo : khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý và thu phí giao thông Dự án đầu tư BOT: “Nâng cấp và mở rộng QL13-tỉnh Bình Dương-từ Km28+000 đến Km 65+355 dài 37.584 m”; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 9.714 m² tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	305.410.952.360	45.910.624.236	259.500.328.124	-
Trái phiếu	1.500.000.000.000	500.000.000.000	1.000.000.000.000	-
Cộng	1.805.410.952.360	545.910.624.236	1.259.500.328.124	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	255.696.983.241	3.803.344.883	259.500.328.124
Trái phiếu	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Cộng	1.255.696.983.241	3.803.344.883	1.259.500.328.124

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.381.038.937	994.425.816
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ trong kỳ	(2.381.038.937)	(994.425.816)
Số cuối kỳ	-	-

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Khoản tiền đã thu của khách hàng theo tiến độ góp vốn xây dựng nhà ở tại các dự án mà Công ty đang đầu tư. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khu phố thương mại IJC2 - Mỹ Phước 3	28.578.477.278	28.209.477.278
Dự án khu đô thị IJC	3.133.148.632	3.133.148.632
Cộng	31.711.625.910	31.342.625.910

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	30.644.475.288	173.726.955.082	2.956.736.906.370
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	230.445.144.029	230.445.144.029
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	810.960.816	(8.875.862.021)	(8.064.901.205)
Chia cổ tức	-	-	-	(164.516.715.000)	(164.516.715.000)
Kết chuyển các quỹ	-	-	51.654.836.877	-	51.654.836.877
Số dư cuối kỳ trước	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	230.779.522.090	3.066.255.271.071
Số dư đầu năm này	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	230.779.522.090	3.066.255.271.071
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	33.891.820.415	33.891.820.415
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.741.945.250.000	10.420.226.000	83.110.272.981	264.671.342.505	3.100.147.091.486

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	-	17.512.220.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	-	17.512.220.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	274.194.525	274.194.525
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu phổ thông	274.194.525	274.194.525
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	142.689.356.470	86.656.962.649
- Doanh thu bán vé cầu đường	50.523.580.662	48.047.668.448
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	68.231.545.462	20.790.825.756
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	3.815.665.716	4.528.723.110
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.382.778.408	9.179.137.504
- Doanh thu hàng hóa siêu thị	2.735.786.222	4.110.607.831
Các khoản giảm trừ doanh thu:	816.284.073	1.473.845.702
- Giảm giá hàng bán	27.636.364	
- Hàng bán bị trả lại	788.647.709	1.473.845.702
Doanh thu thuần	141.873.072.397	85.183.116.947
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán vé cầu đường	50.523.580.662	48.047.668.448
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	67.422.961.389	19.316.980.054
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư	3.815.665.716	4.528.723.110
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.375.078.408	9.179.137.504
- Doanh thu thuần hàng hóa siêu thị	2.735.786.222	4.110.607.831

Doanh thu đối với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm Trước</u>
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH Một Thành Viên	5.275.837.889	724.408.294
Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông	319.542.342	-
Công ty CP Phát Triển Đô Thị	-	23.508.181
Cộng	5.595.380.231	747.916.475

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vé cầu đường	10.876.550.163	10.746.365.572
Giá vốn kinh doanh bất động sản	46.202.750.943	15.058.207.734
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	4.560.201.503	5.544.816.328
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.447.309.130	5.695.607.250
Giá vốn của hàng hóa siêu thị đã tiêu thụ	2.419.371.908	3.722.036.352
Cộng	75.506.183.647	40.767.033.236

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.175.974.812	8.430.986.600
Tiền lãi cổ tức chậm trả	3.222.007.802	-
Cộng	<u>10.397.982.614</u>	<u>8.430.986.600</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí chiếm trên 10% tổng chi phí bán hàng:	8.421.261.381	6.149.609.168
Chi phí cho nhân viên	4.050.287.603	3.946.437.644
Chi phí nguyên vật liệu	951.882.870	1.589.328.615
Chi phí hoa hồng môi giới	3.419.090.908	613.842.909
Các chi phí bán hàng khác:	1.454.080.781	2.584.837.260
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.847.381	100.983.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.158.093	137.847.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	576.465.268	701.588.790
Chi phí khác	669.610.039	1.644.418.172
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng:	(148.493.481)	(272.108.648)
Chi phí hoa hồng môi giới	(148.493.481)	(272.108.648)
Cộng	<u>9.726.848.681</u>	<u>8.462.337.781</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí chiếm trên 10% tổng chi phí quản lý	3.734.531.898	3.634.992.176
Chi phí cho nhân viên	3.734.531.898	3.634.992.176
Các chi phí quản lý khác:	1.909.931.157	2.292.251.234
Chi phí nguyên vật liệu	118.351.742	101.809.503
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	214.339.018	525.760.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.942.280	223.133.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.919.606	654.381.196
Chi phí khác	917.378.511	818.201.649
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý:	(18.994.737)	(7.101.152)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(10.768.737)	(7.101.152)
Chi phí khác	(8.226.000)	-
Cộng	<u>5.625.468.318</u>	<u>5.951.177.132</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bồi thường	66.440.000	139.401.819
Thu nhập khác	19.792.362	30.835.755
Cộng	<u>86.232.362</u>	<u>170.237.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng của các căn hộ Aroma thanh lý	-	1.286.002.654
Chi phí vật tư sửa chữa các trụ đèn chiếu sáng bị hư hỏng	10.042.615	66.020.000
Chi phí khác	65.539.780	9.361.326
Cộng	<u>75.582.395</u>	<u>1.361.383.980</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.891.820.415	18.857.482.125
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.891.820.415	18.857.482.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	274.194.525	274.194.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>124</u>	<u>69</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.261.011.254	10.629.694.984
Chi phí nhân công	11.247.732.842	10.244.323.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.259.260.291	9.201.376.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.060.859.480	6.795.977.216
Chi phí khác	6.584.264.564	3.256.792.303
Cộng	<u>43.413.128.431</u>	<u>40.128.165.415</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và bất động sản đầu tư chưa thanh toán	212.502.144.271	212.502.144.271
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	254.677.500	253.539.000
Tiền thưởng	104.892.500	84.513.000
Cộng	359.570.000	338.052.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên – Kiên Giang Becamex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Trường đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty trong cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Ứng tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	3.590.625.000	4.608.770.215
Lãi cổ tức phải trả	3.222.007.802	
Tiền điện sử dụng tại công trình Prince Town	15.096.200	
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Aroma	1.818.695	
Cung cấp dịch vụ	3.734.419.095	724.408.294
Chi phí điện tại TTTM	4.116.200.144	630.516.600
Cung cấp hàng hóa siêu thị	52.311.000	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Mua vật liệu xây dựng	1.563.043.438	
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Ứng tiền mua vật liệu xây dựng	-	161.090.019
Cung cấp dịch vụ	-	23.508.181
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Ứng tiền mua vật liệu xây dựng	3.882.432	140.891.500

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải thu tiền mua căn hộ chung cư IJC Aroma theo HĐ 078/IJC-AROMA-A/2011	43.776.708.000	43.776.708.000
Phải thu từ ứng trước tiền đền bù giải tỏa và đầu tư xây dựng Dự án Becamex City Center	463.225.849.944	459.663.662.617
Phải thu tiền lợi nhuận được chia từ Dự án Becamex City Center - Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp -TNHH một thành viên	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu tiền cung cấp giàn phơi đồ và trang trí nội thất căn hộ IJC Aroma	358.442.278	358.442.278
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ ăn uống, khách sạn	5.890.061.250	1.348.715.602
Phải thu tiền vé máy bay	96.523.400	31.549.000
Phải thu tiền bán hàng hóa siêu thị	61.144.900	1.875.929.649
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	163.758.663.850	163.758.663.850
Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ khách sạn	96.657.000	74.583.869
Cộng nợ phải thu	<u>707.264.050.622</u>	<u>700.888.254.865</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư áp 5B Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B24-33') theo hợp đồng 403/HĐKT	29.314.692.000	29.314.692.000
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp và dân cư áp 4 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu dân cư River Garden theo hợp đồng 405/HĐKT	93.859.078.500	93.859.078.500
Phải trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp và dân cư Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự The Green River (lô 5B18-19, 5B22-23, 5B30-31)	5.879.472.600	5.879.472.600
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu đô thị Đông Đô Đại Phố theo hợp đồng 226/DTMBĐ	226.379.505.000	226.379.505.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Khu biệt thự Sunflower mở rộng theo hợp đồng 158/DTMBĐ	8.000.000	8.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị Bình Dương xây dựng dự án Phố thương mại Prince Town mở rộng theo hợp đồng 159/DTMBD	4.000.000	4.000.000
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng 5 tầng Becamex Tower theo hợp đồng 01/IDC-BT/2010	192.234.897.479	192.234.897.479
Phải trả tiền điện thấp sáng 5 tầng tòa nhà Becamex Tower	577.288.619	577.288.619
Phải trả tiền quyết toán khối lượng thi công hệ thống thoát nước QL13-HĐ 413/2007QL13	25.040.872.374	25.040.872.374
Phải trả tiền thu hộ căn hộ New Horizon	1.017.316.160	1.017.316.160
Phải trả tiền thu hộ căn hộ Sunrise	30.659.603.799	21.238.822.512
Phải trả tiền thu hộ thuê văn phòng Becamex Tower	3.135.605.877	1.338.332.622
Cổ tức phải trả	322.200.786.200	322.200.786.200
Lãi cổ tức phải trả	33.556.921.758	30.334.913.956
Phải trả tiền mua tài sản cố định Trung tâm thương mại	11.805.121.757	11.805.121.757
Phải trả tiền mua công cụ, dụng cụ Trung tâm thương mại	2.752.722.502	2.752.722.502
Tiền điện phải trả	5.945.054.945	-
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng bất động sản - Dự án City Garden	688.995.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>985.059.934.570</u>	<u>964.674.817.281</u>
2. Chi phí lãi vay vốn hoá		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá	45.422.759.207	8.293.621.659
Tổng chi phí lãi vay	<u>52.598.734.019</u>	<u>16.724.608.259</u>
Tỷ lệ vốn hóa	86%	50%

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bán vé cầu đường: bán vé thu phí Quốc lộ 13.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đầu tư: dịch vụ cho thuê gian hàng trong trung tâm thương mại Becamex Tower.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vé máy bay, siêu thị.
Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong kỳ của Công ty được thể hiện ở Phụ lục đính kèm từ trang 33 đến trang 35

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là tại địa bàn tỉnh Bình Dương.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	38.940.000	233.640.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	-
Cộng	<u>38.940.000</u>	<u>233.640.000</u>

Tập đoàn thuê mặt bằng kinh doanh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ 02 năm đến 06 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê hàng năm được quy định trong hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	164.470.000	253.990.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	-
Trên 05 năm	-	-
Cộng	<u>164.470.000</u>	<u>253.990.000</u>

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 3.815.665.716 VND.

5. Số liệu so sánh

Kỳ này Công ty đã điều chỉnh số liệu do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh năm trước như sau:

	Mã số mới	Mã số cũ	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	135	32.478.573.588	4.150.927.827	36.629.501.412
Tài sản ngắn hạn khác	155	158	4.150.927.827	(4.150.927.827)	-
Phải thu dài hạn khác	216	218	459.663.662.617	568.478.140	460.232.140.757
Tài sản dài hạn khác	268	268	568.478.140	(568.478.140)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	417	31.455.436.104	51.654.836.877	83.110.272.981
Quỹ dự phòng tài chính	-	418	51.654.836.877	(51.654.836.877)	-

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng tài chính tốt, hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân, các đơn vị cùng Tập đoàn có khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.509.963.356	-	-	-	82.509.963.356
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.109.603.574.462	-	243.768.080.968	-	1.353.371.655.430
Các khoản phải thu khác	514.012.951.207	-	-	-	514.904.082.073
Cộng	1.707.426.489.025	-	243.768.080.968	-	1.951.194.569.993
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.801.624.400	-	-	-	113.801.624.400
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	-	-	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.136.650.048.027	-	216.446.742.668	-	1.353.096.790.695
Các khoản phải thu khác	492.509.218.768	-	-	-	492.509.218.768
Cộng	1.744.260.891.195	-	216.446.742.668	-	1.960.707.633.863

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	71.395.540.143	67.370.732.509
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	45.305.415.678	41.626.343.590
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	48.466.172.038	46.059.103.709
Quá hạn trên 02 năm đến trên 03 năm	40.882.527.709	25.893.306.460
Quá hạn trên 03 năm	37.718.425.400	35.497.256.400
Cộng	243.768.080.968	216.446.742.668

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Các Công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	337.450.709.619	255.694.197.000	-	593.144.906.619
Vay và nợ	720.452.619.109	1.907.452.740.103	-	2.627.905.359.212
Các khoản phải trả khác	1.059.346.429.792	3.282.322.551	-	1.062.628.752.343
Cộng	2.117.249.758.520	2.166.429.259.654	-	4.283.679.018.174
Số đầu năm				
Phải trả người bán	918.697.596.741	1.777.887.022.009	-	2.696.584.618.750
Vay và nợ	595.980.505.967	-	-	595.980.505.967
Các khoản phải trả khác	979.139.061.782	2.370.911.118	-	981.509.972.900
Cộng	2.493.817.164.490	1.780.257.933.127	-	4.274.075.097.617

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn là rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay và nợ	(1.943.690.460.113)	(1.972.451.031.985)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(1.942.390.460.113)	(1.971.151.031.985)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Địa chỉ: 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 31.117.036.981 VND (năm trước giảm/tăng 9.116.724.968 VND).

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.509.963.356	-	113.801.624.400	-	82.509.963.356	113.801.624.400
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu khách hàng	1.353.371.655.430	-	1.353.096.790.695	-	1.353.371.655.430	1.353.096.790.695
Các khoản phải thu khác	514.904.082.073	-	492.509.218.768	-	514.904.082.073	492.509.218.768
Cộng	1.951.194.569.993	-	1.960.707.633.863	-	1.951.194.569.993	1.960.707.633.863

Nợ phải trả tài chính


	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	1.943.690.460.113	1.972.451.031.985	1.943.690.460.113
Phải trả người bán	593.144.906.619	595.980.505.967	593.144.906.619	595.980.505.967
Các khoản phải trả khác	1.062.628.752.343	981.509.972.900	1.062.628.752.343	981.509.972.900
Cộng	3.599.464.119.075	3.549.941.510.852	3.599.464.119.075	3.549.941.510.852


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2015


Lương Thị Ngọc Trinh
Người lập biểu


Trịnh Thanh Hùng
Kế toán trưởng


Đỗ Quang Ngôn
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn:

Kỳ này	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	50.523.580.662	67.422.961.389	8.031.798.727	15.894.731.619	-	141.873.072.397
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.523.580.662	67.422.961.389	8.031.798.727	15.894.731.619	-	141.873.072.397
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.816.927.647	8.285.388.360	(197.285.968)	3.049.219.095	-	43.954.249.134
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						43.954.249.134
Doanh thu hoạt động tài chính						432.034.989
Chi phí tài chính						(3.337.659.997)
Thu nhập khác						86.232.362
Chi phí khác						(75.582.395)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(7.167.453.678)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						33.891.820.415
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.313.846.882	12.474.902	547.457.260	126.523.648	-	4.000.302.693
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.412.760.205	344.717.392	1.893.711.914	1.389.582.432	-	12.040.771.942
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	48.047.668.448	19.316.980.054	4.528.723.110	13.289.745.335	-	85.183.116.947
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.047.668.448	19.316.980.054	4.528.723.110	13.289.745.335	-	85.183.116.947
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.306.462.663	(313.329.528)	(1.677.684.769)	2.687.120.432	-	30.002.568.798
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						30.002.568.798
Doanh thu hoạt động tài chính						161.349.370
Chi phí tài chính						(8.430.986.600)
Thu nhập khác						170.237.574
Chi phí khác						(1.361.383.980)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(1.684.303.037)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						18.857.482.125
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.308.759.806	7.097.900	196.902.218	98.510.182	-	1.611.270.106
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.060.027.229	622.731.229	2.440.620.325	275.591.780	-	12.398.970.563
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-


LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH
 Người lập biểu


TRỊNH THANH HÙNG
 Kế toán trưởng

Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

Đ. QUANG NGÔN
 Tổng Giám đốc

Phụ lục 1: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động bán vé cầu đường	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	557.832.498.932	5.334.050.466.103	212.159.935.679	512.295.246.804	-	6.616.338.147.518
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						130.967.205.629
Tổng tài sản						6.747.305.353.147
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.240.872.374	2.642.259.586.444	193.521.531.185	167.678.494.889	-	3.028.700.484.892
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						618.457.776.769
Tổng nợ phải trả						3.647.158.261.661
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	562.807.856.556	5.262.406.007.856	204.354.295.324	541.765.356.105	-	6.571.333.515.841
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						159.165.983.138
Tổng tài sản						6.730.499.498.979
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	55.505.982.907	2.589.492.104.441	209.330.688.535	189.131.632.159	-	3.043.460.408.042
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						620.783.819.866
Tổng nợ phải trả						3.664.244.227.908



LƯƠNG THỊ NGỌC TRINH
Người lập biểu



TRỊNH THANH HÙNG
Kế toán trưởng



Ngày 25 Tháng 04 Năm 2015

ĐỖ QUANG NGÕN
Tổng Giám đốc